

**MỤC TIÊU, CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 65/QĐ-ĐHHL ngày 09 tháng 3 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Hoa Lư)*

1. Thông tin tổng quát

- Tên chương trình:
 - + Tên tiếng Việt: Giáo dục Mầm non
 - + Tên tiếng Anh: Pre-School Education
- Trình độ đào tạo: Cao đẳng
- Mã ngành đào tạo: 51140201
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Thời gian đào tạo: 3 năm
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Văn bằng sau tốt nghiệp: Cao đẳng Sư phạm Giáo dục Mầm non
- Vị trí việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp:
 - + Giáo viên tại các cơ sở giáo dục mầm non; trung tâm chăm sóc và giáo dục trẻ em dưới 6 tuổi; cơ sở giáo dục hòa nhập cho trẻ có nhu cầu đặc biệt.
 - + Cán bộ quản lý bậc học mầm non tại các địa phương và cơ sở giáo dục mầm non.
 - + Chuyên viên giáo dục mầm non ở các Phòng giáo dục quận/huyện, Sở GD&ĐT.
 - + Cán bộ nghiên cứu giáo dục mầm non tại các Viện, Trung tâm nghiên cứu hoặc Tư vấn viên về giáo dục mầm non.
 - + Tiếp tục tham gia học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Cao đẳng Sư phạm Giáo dục mầm non có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giảng dạy, công tác trong các lĩnh vực liên quan đến giáo dục mầm non tại các cơ sở giáo dục, các đơn vị hành chính sự nghiệp khác; thích ứng với sự thay đổi và phát triển của giáo dục mầm non; có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

| | | |
|--------------|-----|---|
| Về kiến thức | PO1 | Có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học công nghệ trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp |
|--------------|-----|---|

| | | |
|------------------------------|-----|--|
| | PO2 | Có kiến thức cơ bản về khoa học giáo dục mầm non để phục vụ nghề nghiệp và học tập suốt đời |
| Về kỹ năng | PO3 | Có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, đánh giá các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non và thực hiện chương trình giáo dục mầm non |
| | PO4 | Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc |
| | PO5 | Có kỹ năng mềm cần thiết để thực hiện hoạt động nghề nghiệp, có thể thích ứng với môi trường làm việc thay đổi |
| Về mức tự chủ và trách nhiệm | PO6 | Có năng lực tự chủ và trách nhiệm trong thực hiện công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực giáo dục mầm non |

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

| CĐR | Mô tả chuẩn đầu ra | Mức năng lực |
|------------------|--|--------------|
| <i>Kiến thức</i> | | |
| PLO 1.1 | Vận dụng được các kiến thức cơ bản của khoa học chính trị và pháp luật, khoa học xã hội, khoa học công nghệ trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp | K3 |
| PI 1.1.1 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp | K3 |
| PI 1.1.2 | Vận dụng được kiến thức khoa học xã hội, khoa học công nghệ trong cuộc sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp | K3 |
| PLO 1.2 | Vận dụng được các kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non | K3 |
| PI 1.2.1 | Giải thích được các vấn đề liên quan đến hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non | K2 |
| PI 1.2.2 | Vận dụng được các vấn đề liên quan đến hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ mầm non | K3 |
| PLO 1.3 | Vận dụng được các kiến thức về khoa học giáo dục mầm non trong hoạt động giáo dục trẻ mầm non | K3 |
| PI 1.3.1 | Giải thích được các vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục trẻ mầm non | K2 |
| PI 1.3.2 | Vận dụng được các vấn đề liên quan đến hoạt động giáo dục trẻ mầm non | K3 |
| <i>Kỹ năng</i> | | |
| PLO 2.1 | Thực hiện được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non | S3 |
| PI 2.1.1 | Xây dựng được các kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non | S2 |
| PI 2.1.2 | Tổ chức được các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho trẻ mầm non | S2 |
| PI 2.1.3 | Đánh giá được hiệu quả việc tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm | S3 |

| | | |
|----------------------------------|---|-----------|
| | sức khỏe cho trẻ mầm non | |
| PLO 2.2 | Thực hiện được các hoạt động giáo dục trẻ mầm non | S3 |
| PI 2.2.1 | Xây dựng được các kế hoạch hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo định hướng phát triển toàn diện và lấy trẻ làm trung tâm | S2 |
| PI 2.2.2 | Tổ chức được các hoạt động giáo dục trẻ mầm non theo các lĩnh vực phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ | S2 |
| PI 2.2.3 | Đánh giá được hiệu quả việc tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ mầm non | S3 |
| PLO 2.3 | Thực hiện được các hoạt động nghệ thuật đặc thù ở trường mầm non | S3 |
| PI 2.3.1 | Biểu diễn được các hoạt động đàn, hát, múa | S3 |
| PI 2.3.2 | Thiết kế và làm được đồ dùng đồ chơi | S3 |
| PI 2.3.3 | Thể hiện các hoạt động đọc, kể diễn cảm tác phẩm văn học, đóng kịch | S3 |
| PLO 2.4 | Sử dụng được ngoại ngữ và công nghệ thông tin trong học tập và hoạt động nghề nghiệp | S2 |
| PI 2.4.1 | Đạt trình độ Tiếng Anh bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam | S2 |
| PI 2.4.2 | Đạt trình độ công nghệ thông tin cơ bản trong học tập và hoạt động nghề nghiệp. | S3 |
| PLO 2.5 | Thực hiện chương trình giáo dục mầm non | S2 |
| PI 2.5.1 | Thiết kế được các kế hoạch thực hiện chương trình giáo dục nhóm/lớp, nhà trường | S2 |
| PI 2.5.2 | Đánh giá được việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non | S2 |
| PLO 2.6 | Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm | S3 |
| PI 2.6.1 | Thực hiện được khả năng thuyết trình trong hoạt động học tập và nghề nghiệp | S2 |
| PI 2.6.2 | Thực hiện giao tiếp hiệu quả trong hoạt động học tập và nghề nghiệp | S3 |
| PI 2.6.3 | Xây dựng được kế hoạch làm việc nhóm và triển khai được các nhiệm vụ của nhóm | S3 |
| <i>Mức tự chủ và trách nhiệm</i> | | |
| PLO 3.1 | Thích ứng được với môi trường học tập và làm việc thay đổi; Thể hiện ý thức và năng lực tự học tập, bồi dưỡng | A4 |
| PI 3.1.1 | Làm chủ và quản lý được bản thân trong quá trình học tập và công tác ở các môi trường khác nhau | A4 |
| PI 3.1.2 | Thể hiện được khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ | A4 |
| PLO 3.2 | Tuân thủ trách nhiệm công dân và đạo đức nhà giáo | A4 |
| PI 3.2.1 | Tuân thủ các qui định về đạo đức nhà giáo | A4 |
| PI 3.2.2 | Thực hiện đúng nghĩa vụ và trách nhiệm công dân | A4 |

Ghi chú: Mức năng lực được xác định theo thang đo được quy ước như sau:

- Kiến thức (K): K1: Biết/Nhớ; K2: Hiểu; K3: Áp dụng; K4: Phân tích/tổng hợp; K5: Đánh giá//Sáng tạo (Ref: Bloom, 1956; Anderson et al., 2001);

- Kỹ năng (S): S1: Nhận thức/Bắt chước; S2: Làm theo hướng dẫn/Vận dụng; S3: Thuần thực/Chính xác;
S4: Thành thạo kỹ năng phức tạp, S5: Sáng tạo kỹ năng, kỹ xảo mới;
- Thái độ/Mức tự chủ và trách nhiệm (A): A1: Tiếp nhận; A2: Hồi đáp/Phản ứng; A3: Chấp nhận giá trị;
A4: Tổ chức/Ứng xử (Ref: Krathwohl, Bloom & Masia, 1973).

HIỆU TRƯỞNG

TS. Vũ Văn Trường